

VIỆN NGHIÊN CỨU NUÔI TRỒNG THỦY SẢN II

TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

VÀ BỆNH THỦY SẢN NAM BỘ

SỐ: 28 /TTQT-ĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘ CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TPHCM, Ngày 02 tháng 08 năm 2024

THÔNG BÁO

KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NƯỚC

VÙNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG THÁNG 07.2024

I. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

BIỂU 1: TỔNG HỢP KẾT QUẢ QUAN TRẮC NƯỚC NGUỒN NƯỚC CẤP THÁNG 07/2024

Đối tượng quan trắc	Nhiệt độ	pH	DO	Độ đẫn (EC)	Độ mặn	Độ kiềm	N-NO ₂ -	N-NH ₄ ⁺	P-PO ₄ ³⁻	H2S	TSS	COD	Aeromonas								
													mg/L	µS/cm	%	mg/L	mg/L	mg/L	CFU/mL	CFU/mL	CFU/mL
Cá tra	□																				
An Giang	30-30,8	7-7,5	4-5,5	113-366	--	28,9-53,2	0,004-0,154	0,015-1,055	0,012-0,138	0,014-0,014	11-67,5	2,7-14,4	60-16000	---	---	400-110000	1,3-3,6	100-110000	---	---	400-110000
Đồng Tháp	28-28	7-7,5	3-4,5	75-369	--	13,9-74	0,003-0,062	0,006-1,48	0,012-0,093	0,014-0,014	2-156,5	1,3-12,4	100-7900	---	---	100-110000	100-110000	---	400-110000	100-110000	
Cà Mau	28-31	6,7-8	3,3-4,5	117-290	--	29,9-66	0,003-0,24	0,014-1,045	0,014-0,092	0,014-0,014	11-79	2,1-5,1	107-15300	---	---	400-110000	100-110000	---	400-110000	100-110000	

Đối tượng quan trắc	Nhiệt độ	pH	DO	Độ dẫn (EC)	Độ mặn	Độ kiềm	N-NO ₂ ⁻	N-NH ₄ ⁺	P-PO ₄ ³⁻	H2S	TSS	COD	Aeromonas			Vibrio long ⁺			Vibrio parahaemolyticus			Coliform		
													□	mg/L	µS/cm	%	mg/L	mg/L	mg/L	CFU/mL	CFU/mL	CFU/mL	CFU/mL	CFU/mL
Vĩnh Long	28,1- 31,5	7,1- 7,8	4,5,2	109- 290	---	27,9- 53,2	0,003- 0,02	0,018- 0,181	0,026- 0,066	KPH	18-70,5	2,1-4,8	40-9100	---	---	---	900- 460000	---	---	---	---	---	---	
Bến Tre	27-31	7-7,3	4-5	117- 432	---	28,9- 53,2	0,003- 0,017	0,024- 0,181	0,012- 0,036	KPH	12- 133,3	2,1-4,6	180- 6400	---	---	---	400-46000	---	---	---	---	---	---	
Tôm nước lợ																								
Bến Tre	30-31	7,3- 8,2	4,5-5	---	1-20	44-93	0,067- 0,304	0,033- 0,679	0,012- 0,062	KPH	2,5-141	4,4- 14,5	---	80- 17800	---	80- 20	74-46000	---	---	---	---	---	---	
Bạc Liêu	28-32	7,3- 8,2	1-3,5	---	5-29	92-115	0,004- 0,102	0,044- 0,2021	0,012- 0,112	KPH	3,5-458	5,3- 14,2	---	50- 73600	40	10- 40	36-4600	---	---	---	---	---	---	
Cà Mau	26-30	7,3- 7,9	2-4,5	---	13- 25	103-118	0,04- 0,295	0,114- 0,82	0,019- 0,348	KPH	16,5- 97,3	8,4-12	---	200- 8400	180	10- 180	230-11000	---	---	---	---	---	---	
Sóc Trăng	27,1- 30,7	6,8- 7,7	2,3- 4,3	---	0-18	56-118	0,017- 0,243	0,057- 1,889	0,012- 0,258	KPH - 0,04	7,5- 253,3	9-15,2	---	240- 92000	10	10- 110000	430- 110000	---	---	---	---	---	---	
Trà Vinh	27-28	7,5- 7,5	3-4	---	0-12	50-82	0,005- 0,154	0,084- 0,133	0,028- 0,043	KPH	18-70,7	3,6-4,4	---	80-9200	30	20- 30	930- 110000	---	---	---	---	---	---	
Ngã lều																								
Bến Tre	30-31	7,7-8	5-5	---	14- 17	53,5- 124,8	0,003- 0,089	0,051- 0,303	0,012- 0,046	KPH	7-80	2,9-5,2	---	210- 4800	---	210- KPH	930-1500	---	---	---	---	---	---	
Trà Vinh	27-27	7,5-8	4,5- 4,5	---	5-6	61,4- 66,3	0,019- 0,04	0,057- 0,076	0,012- 0,045	KPH	64,5- 78,7	2,5-4,4	---	3300- 3600	10	10- 280-11000	280-11000	---	---	---	---	---	---	

BIỂU 2: TỔNG HỢP KẾT QUẢ QUAN TRẮC NƯỚC NGUỒN NƯỚC CẤP THÁNG 5-7/2024

Đối tượng quan trắc	Nhật độ	pH	DO	Độ đẫn (EC)	Độ mặn	Độ kiềm	N-NO ₂ ⁻	N-NH ₄ ⁺	P-PO ₄ ³⁻	H2S	TSS	COD	<i>Aeromonas</i>			<i>Vibrio tổng</i>			<i>Vibrio parahaemolyticus</i>			<i>Coliform</i>		
													mg/L	µS/cm	%	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	CFU/mL	CFU/mL	CFU/mL	CFU/mL	MPN/100mL
Cá tra	□																							
An Giang	29,8-32	7-8	4-5,5	113-366	---	28,9-67,3	0,004-0,157	0,015-1,236	0,012-0,138	KPH	3-67,5	2,2-14,4	60-16000	---	---	400-110000	36-110000	400-110000	400-110000	400-110000	400-110000	400-110000	400-110000	400-110000
Đồng Tháp	28-32	7-8	3-5,5	75-366	---	13,9-74	0,003-0,077	0,006-1,48	0,012-0,093	KPH	2-156,5	1,3-13,1	20-7900	---	---	36-110000	400-110000	36-110000	400-110000	36-110000	400-110000	36-110000	400-110000	36-110000
Cà Mau	27,6-32	6,6-8	3-5,5	117-366	---	29,9-69,7	0,003-0,24	0,014-1,045	0,026-0,13	KPH	11-79	2,1-11,1	90-15300	---	---	110000	110000	110000	110000	110000	110000	110000	110000	110000
Vĩnh Long	27,5-32	7-8	4-5,5	109-366	---	27,9-67,3	0,002-0,046	0,018-0,311	0,012-0,131	KPH	4,5-203	2,1-8,3	40-9100	---	---	700-460000	700-460000	700-460000	700-460000	700-460000	700-460000	700-460000	700-460000	700-460000
Bến Tre	27-32	7-8	4-5,5	117-366	---	28,9-86,9	0,003-0,04	0,024-0,208	0,012-0,045	KPH	3,5-176	2,1-9,7	50-7800	---	---	400-240000	400-240000	400-240000	400-240000	400-240000	400-240000	400-240000	400-240000	400-240000
Tôm nước lợ																								
Bến Tre	27,5-32,5	7,2-8,2	4-5,5	---	0,6-23	44-119,6	0,002-0,348	0,022-1,937	0,012-0,129	KPH	3-524	1,9-14,5	---	50-19400	10-100	36-110000	36-110000	36-110000	36-110000	36-110000	36-110000	36-110000	36-110000	36-110000
Bạc Liêu	28-32,5	7,3-8,2	0,5-5,5	---	5-23	56,6-213,9	0,004-0,262	0,044-2,85	0,012-0,203	KPH	3,5-984	3,5-19,7	---	50-73600	10-100	36-110000	36-110000	36-110000	36-110000	36-110000	36-110000	36-110000	36-110000	36-110000
Cà Mau	26-32,5	7-8,2	2-5,5	---	13-23	81,8-170,7	0,004-0,295	0,057-1,639	0,012-0,563	KPH	13,3-315,3	3,8-20	---	120-8400	10-180	72-746000	72-746000	72-746000	72-746000	72-746000	72-746000	72-746000	72-746000	72-746000
Sóc Trăng	27,1-32,5	6,8-8,2	1,4-5,5	---	0-23	49,5-139,6	0,006-2,071	0,031-3,852	0,012-1,064	KPH	7,5-253,3	4,6-22,9	---	80-92000	10-100	72-110000	72-110000	72-110000	72-110000	72-110000	72-110000	72-110000	72-110000	72-110000
Trà Vinh	26-32,5	7,5-8,2	3-5,5	---	0-23	50-90,9	0,005-0,282	0,071-0,275	0,015-0,081	KPH	13,5-108	1,3-10,2	---	60-9200	10-550	150-110000	150-110000	150-110000	150-110000	150-110000	150-110000	150-110000	150-110000	150-110000
Nghèu																								
Bến Tre	30-31	7,6-8,1	4,5-5	---	13-26	53,5-124,8	0,003-0,097	0,037-0,303	0,012-0,059	KPH	7-133,5	2,4-18,4	---	210-4800	10-20	36-1500	36-1500	36-1500	36-1500	36-1500	36-1500	36-1500	36-1500	36-1500
Trà Vinh	26-28	7,5-8,1	4-4,5	---	5-19	61,4-85,1	0,016-0,089	0,057-0,829	0,012-0,395	KPH	30,7-444,7	2,5-11,8	---	100-3600	10	150-110000	150-110000	150-110000	150-110000	150-110000	150-110000	150-110000	150-110000	150-110000

BIỂU 3.1 THÔNG KÊ SỐ CHỈ TIÊU VƯỢT NGƯỚNG VÀ TỶ LỆ VƯỢT NGƯỚNG VÙNG NUÔI CÁ TRA - THÁNG 5/7/2024

Tỉnh	Điểm Quan Trắc	Nhiệt độ	pH	DO	Độ dẫn	Độ kiềm	N-NO2-	N-NH4+	P-PO43-	H2S	TSS	COD	Aeromonas	Edwardsiella ictaluri	Aeromonas hydrophilla	Coliform
AN GIANG	Số lần nambi ngoài GHCP	0	0	0	2	0	3	0	0	0	0	50	18	83	63	
	Tổng số lượt quan trắc	99	99	99	99	99	99	99	99	99	99	99	99	99	99	99
	Tỷ lệ % mẫu ngoài GHCP	0	0	0	2	0	3	0	0	0	0	51	18	84	64	
ĐỒNG THÁP	Số lần nambi ngoài GHCP	0	0	28	0	6	0	1	0	0	3	0	15	10	56	40
	Tổng số lượt quan trắc	90	90	90	90	90	90	90	90	90	90	90	90	90	90	90
	Tỷ lệ % mẫu ngoài GHCP	0	0	31	0	7	0	1	0	0	3	0	17	11	62	44
CẨN THƠ	Số lần nambi ngoài GHCP	0	0	40	0	3	0	1	0	0	0	0	19	2	49	16
	Tổng số lượt quan trắc	63	63	63	63	63	63	63	63	63	63	63	63	63	63	63
	Tỷ lệ % mẫu ngoài GHCP	0	0	63	0	5	0	2	0	0	0	0	30	3	78	25
VĨNH LONG	Số lần nambi ngoài GHCP	0	0	0	0	2	0	0	0	0	1	0	22	3	42	32
	Tổng số lượt quan trắc	54	54	54	54	54	54	54	54	54	54	54	54	54	54	54
	Tỷ lệ % mẫu ngoài GHCP	0	0	0	4	0	0	0	0	0	2	0	41	6	78	59
BẾN TRE	Số lần nambi ngoài GHCP	0	0	0	2	0	0	0	0	0	2	0	7	0	22	10
	Tổng số lượt quan trắc	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27
	Tỷ lệ % mẫu ngoài GHCP	0	0	0	7	0	0	0	0	0	7	0	26	0	81	37
CHUNG	Số lần nambi ngoài GHCP	0	0	68	0	15	0	5	0	0	6	0	113	33	252	161
	Tổng số lượt quan trắc	333	333	333	333	333	333	333	333	333	333	333	333	333	333	333
	Tỷ lệ % mẫu ngoài GHCP	0	0	20	0	5	0	2	0	0	2	0	34	10	76	48

BIỂU 3.2 THÔNG KÊ SỐ CHỈ TIÊU VƯỢT NGUỒNG VÀ TỶ LỆ VƯỢT NGUỒNG VÙNG NUÔI TÔM NƯỚC LỢ - THÁNG 5/7/2024

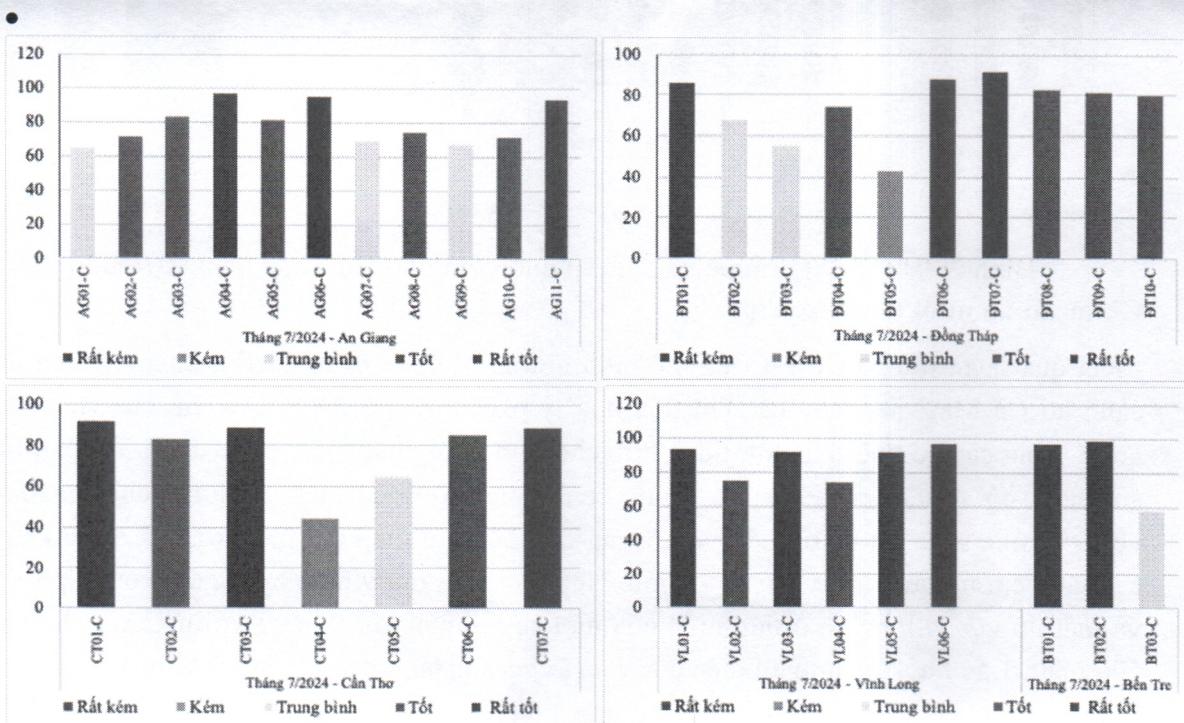
Tỉnh	Điểm Quan Trắc	Nhiệt độ	pH	DO	Độ mặn	Độ kiềm	N-NO2-	N-NH4+	P-PO43-	H2S	TSS	COD	<i>Vibrio</i> tổng	<i>Vibrio parahaemolyticus</i> số
BẾN TRE	Số lần nầm ngoài GHCP	1	12	37	11	23	0	0	0	0	48	0	13	25
	Tổng số lượt quan trắc	48	48	48	48	48	48	48	48	48	48	48	48	48
	Tỷ lệ % mẫu ngoài GHCP	2	25	77	23	48	0	0	0	0	100	0	27	52
	Số lần nầm ngoài GHCP	1	11	92	49	5	0	0	9	0	96	0	74	39
BẮC LIỀU	Tổng số lượt quan trắc	96	96	96	96	96	96	96	96	96	96	96	96	96
	Tỷ lệ % mẫu ngoài GHCP	1	11	96	51	5	0	0	9	0	100	0	77	41
	Số lần nầm ngoài GHCP	0	29	81	64	0	0	0	34	0	88	0	60	38
	Tổng số lượt quan trắc	88	88	88	88	88	88	88	88	88	88	88	88	88
CÀ MAU	Tỷ lệ % mẫu ngoài GHCP	0	33	92	73	0	0	0	39	0	100	0	68	43
	Số lần nầm ngoài GHCP	0	23	32	9	19	1	2	6	0	32	1	18	15
	Tổng số lượt quan trắc	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32
	Tỷ lệ % mẫu ngoài GHCP	0	72	100	28	59	3	6	19	0	100	3	56	47
SÓC TRĂNG	Số lần nầm ngoài GHCP	0	0	24	8	15	0	0	0	0	24	0	8	13
	Tổng số lượt quan trắc	24	24	24	24	24	24	24	24	24	24	24	24	24
	Tỷ lệ % mẫu ngoài GHCP	0	0	100	33	63	0	0	0	0	100	0	33	54
	Tổng số lượt quan trắc	24	24	24	24	24	24	24	24	24	24	24	24	24
TRÀ VINH	Số lần nầm ngoài GHCP	2	75	266	141	62	1	2	49	0	288	1	173	130
	Tổng số lượt quan trắc	288	288	288	288	288	288	288	288	288	288	288	288	288
	Tỷ lệ % mẫu ngoài GHCP	1	26	92	49	22	0	1	17	0	100	0	60	45

BIỂU 3.3 THÔNG KÊ SỐ CHỦ TIÊU VƯỢT NGUỒNG VÀ TỶ LỆ VƯỢT NGUỒNG VÙNG NUÔI NGHÈU - THÁNG 5-7/2024

Tỉnh	Điểm Quan Trắc	Nhiệt độ	pH	DO	Độ mặn	Độ kiềm	N-NO ₂ ⁻	N-NH ₄ ⁺	P-PO ₄ ³⁻	S ²⁻	TSS	COD	Vibrio	V-para	Coliform	Perkinsus	RLO	KST
BẾN TRE	Số lần nầm ngoài GHCP	0	0	4	7	7	5	1	0	0	6	5	5	0	1	0	7	0
	Tổng số lượt quan trắc	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9
	Tỷ lệ % mẫu ngoài GHCP	0,0	0,0	44,4	77,8	77,8	55,6	11,1	0,0	0,0	66,7	55,6	55,6	0,0	11,1	0,0	77,8	0,0
	Số lần nầm ngoài GHCP	0	0	6	6	6	2	1	1	0	5	5	4	0	2	0	5	0
TRÀ VINH	Tổng số lượt quan trắc	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
	Tỷ lệ % mẫu ngoài GHCP	0,0	0,0	100,0	100,0	100,0	33,3	16,7	16,7	0,0	83,3	83,3	66,7	0,0	33,3	0,0	83,3	0,0
CHUNG	Số lần nầm ngoài GHCP	0	0	10	13	13	7	2	1	0	11	10	9	0	3	0	12	0
	Tổng số lượt quan trắc	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15
	Tỷ lệ % mẫu ngoài GHCP	0,0	0,0	66,7	86,7	86,7	46,7	13,3	6,7	0,0	73,3	66,7	60,0	0,0	20,0	0,0	80,0	0,0

I. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

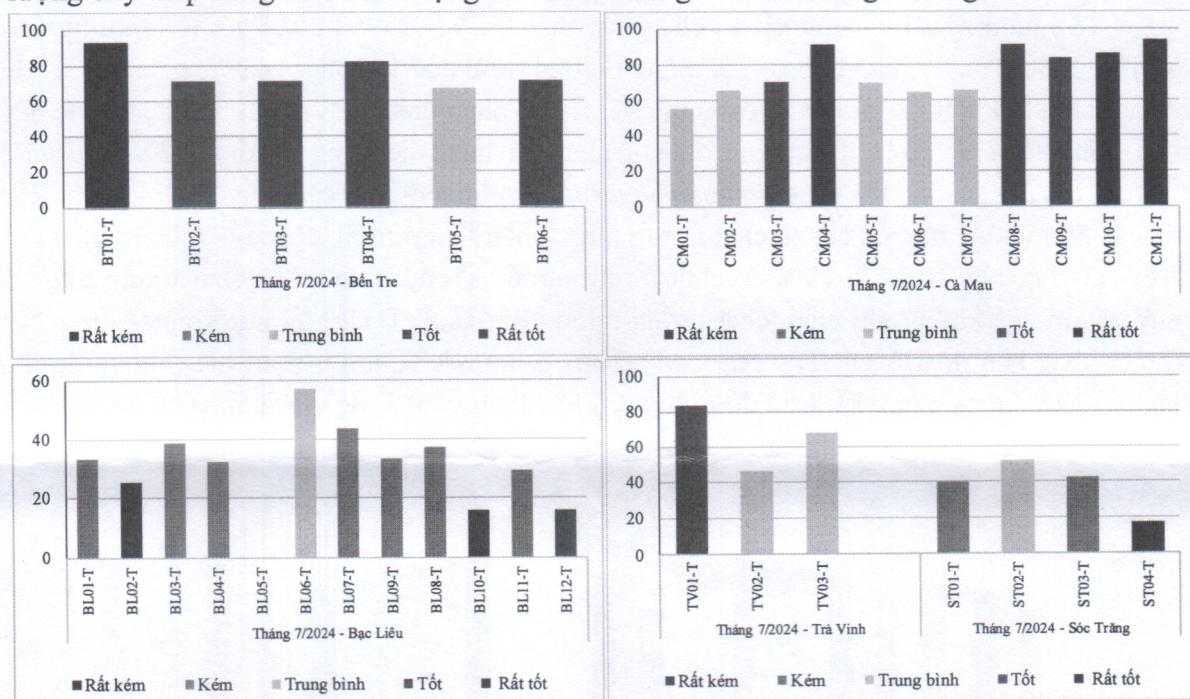
- Quan trắc vùng nuôi cá tra:** Một số thủy vực được quan trắc có DO, độ kiềm, N-NH₄⁺, TSS nằm ngoài khoảng giá trị cho phép theo TCVN 13952:2024 với tỷ lệ tương ứng là 21%, 14%, 3%, 4% cao hơn so với tháng 6/2024. Mật độ vi khuẩn Aeromonas tổng số ghi nhận được 32% số lượt quan trắc cao hơn giá trị cho phép theo TCVN 13952:2024, tỷ lệ này thấp hơn tháng 06/2024. Bên cạnh đó ghi nhận sự hiện diện của vi khuẩn *Edwardsiella ictaluri* với tần suất là 1% và *Aeromonas hydrophilla* hiện diện ở các thủy vực là 52%. Hầu hết các điểm quan trắc có chỉ số chất lượng nước phân loại ở mức “Rất tốt” (chiếm 68%) và “Tốt” (14%). Ngoài ra có 15% có chất lượng nước “Trung bình”, 3% chất lượng nước ở mức “Kém” và không ghi nhận chất lượng nước “Rất xấu”. Các thủy vực sông Tiền – Tân Thuận Tây, bến đò Bò Ót, Tây An – Mỹ Thới, sông Sở Thượng, trạm giao thông đường thủy có chất lượng nước kém do đồng thời có DO thấp và mật độ Aeromonas tăng cao hơn 3000CFU/mL.



Hình 1: Chỉ số WQI nước nguồn cấp nuôi cá tra trong tháng 07/2024

- Quan trắc vùng nuôi tôm nước lợ:** Các thông pH, DO, độ mặn, độ kiềm, P-PO₄³⁻, TSS có giá trị nằm ngoài giá trị phép theo TCVN 13952:2024. Trong đó tỷ lệ thông số DO thấp hơn giá trị cho phép chiếm 96%, các thông số còn lại có tỷ lệ nằm ngoài giới hạn cho phép chiếm 25-35%. Mật độ *Vibrio* sp. tổng số (dao động từ 5×10^1 - 9×10^4 CFU/mL, tỷ lệ vượt GHCP chiếm 64%) tập trung chủ yếu ở các thủy vực được quan trắc ở Bạc Liêu, Cà Mau và Sóc Trăng. Ngoài ra ghi nhận sự hiện diện của vi khuẩn *Vibrio parahaemolyticus* chiếm 18% lượt quan trắc, mật độ từ 0-180 CFU/mL. Chỉ số chất lượng nước (WQI) trung bình trong các thủy vực dao động từ 13-97, ở mức chất lượng nước trung bình chiếm 22%, tốt chiếm 14% và rất tốt chiếm 24% và 40% chất lượng nước ở mức kém và rất kém. Các thủy vực quan trắc có chất lượng nước đạt ở mức kém và rất kém chủ yếu do ô nhiễm

tăng cao. Lưu ý các lưu vực ở Bạc Liêu thường xuyên có chất lượng nước kém do hàm lượng oxy thấp đồng thời hàm lượng các chất lơ lửng và vibrio tổng số tăng cao.



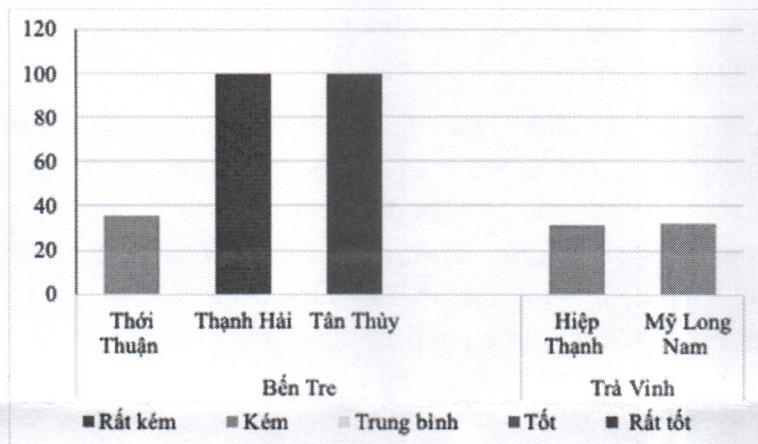
Hình 2: Chỉ số WQI nước nguồn cấp nuôi tôm nước lợ trong tháng 07/2024

Giám sát ao nuôi tôm nước lợ:

- Kết quả quan trắc, giám sát trên mô hình tôm nuôi thâm canh tại Bạc Liêu và siêu thâm canh tại Cà Mau cho thấy các chỉ tiêu hóa lý pH, nhiệt độ, DO, độ kiềm của chất lượng nước trong các ao nuôi khá tốt, thích hợp cho tôm nuôi phát triển, độ mặn 15-30%. Một số ao nuôi có độ kiềm độ kiềm thấp, cần nâng độ kiềm lên ngưỡng cho phép với vôi/dolomite/soda, một ao nuôi hàm lượng oxy hòa tan thấp chỉ 3,0mg/L, đã được khuyến cáo tăng cường quạt nước, xử lý vi sinh. Ngoài ra, cần lưu ý hàm lượng ammonia, phospho và mật độ vibrio tổng số trong nước của một số ao nuôi khá cao so với ngưỡng cho phép. Ghi nhận 1 ao nuôi có sự hiện diện của *Vibrio parahaemolyticus*, cần xử lý ngay chất lượng nước của ao nuôi này, bổ sung dinh dưỡng và đề kháng cho tôm nuôi. Kết quả giám sát sức khỏe tôm nuôi cho thấy không có sự xuất hiện WSSV (đốm trắng), EHP, AHPND (gan tụy cấp) trên mẫu tôm thu được. Người nuôi cần lưu ý theo dõi sức khỏe của tôm, theo dõi chất lượng nước và cần phòng ngừa tăng sức đề kháng cho tôm trên các ao nuôi này trong suốt vụ nuôi.

Quan trắc vùng nuôi nghêu: Các thông số hóa lý trong nước như pH, độ kiềm, COD, tổng sulfide đều ở mức cho phép, chỉ ghi nhận thông số chỉ thị ô nhiễm ammonia cao ở các thủy vực thuộc Thới Thuận. Ghi nhận chỉ số chất lượng nước ở Thới Thuận, Hiệp Thạnh và Mỹ Long Nam chỉ ở mức kém do mật độ vibrio tổng số cao. Bên cạnh đó, ghi nhận có sự xuất hiện của một số loài tảo có khả năng gây hại như *Aulacoseira* sp., *Rhizosolenia* sp., *Nitzschia* sp., *Nitzschia closterium*, *Nitzschia palea*, *Nitzschia sigma*, *Skeletonema costatum*, *Euglena* sp., *Lepocinclis* sp., *Trachelomonas* sp. nhưng ở mật độ chưa ở mức gây hại cho nghêu.

Chưa ghi nhận sự hiện diện của *Perkinsus* và ký sinh trùng nhưng ghi nhận có sự hiện diện của Rickettsia-like Organisms trên nghêu với tỷ lệ 10% ở Thạnh Hải và Mỹ Long Nam.



Hình 3: Chỉ số WQI nước nguồn cấp nuôi nghêu trong tháng 07/2024

II. DỰ BÁO VÀ KHUYẾN CÁO

Theo bản tin số KH1T-22/11h00/DBQQG-DBKH Bản tin dự báo khí hậu thời hạn tháng trên phạm vi toàn quốc và bản tin TVHD-08/DBQQG Bản tin dự báo, cảnh báo thủy văn thời hạn dài (từ ngày 01 đến 31/8/ 2024) của Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia (TTKTTVQG) ngày 01/08/2024, như sau:

- Trong tháng 7/2024, trên Biển Đông đã xuất hiện 01 ATNĐ và 01 cơn bão, nhiệt độ trung bình khu vực Nam bộ phổ biến xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ, mực nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều (mực nước cao nhất trên sông Tiền tại Tân Châu 2,41m (ngày 26/7), trên sông Hậu tại Châu Đốc 2,36m (ngày 25/7))
- Dự báo xu thế tháng 8/2024: Nhiệt độ trung bình trên cả nước phổ biến cao hơn từ 0,5-1,0°C so với TBNN cùng thời kỳ. Tại Nam Bộ, lượng mưa ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ (thấp hơn TBNN 5-10%). Trong thời kỳ dự báo khu vực Nam Bộ sẽ có nhiều ngày mưa, trong đó có khả năng xuất hiện một số đợt mưa vừa, mưa to diện rộng. Mưa dông tại các khu vực có thể kèm theo lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh. Mực nước sông Cửu Long dao động theo triều với xu thế lên dần, mực nước cao nhất tháng trên sông Tiền tại Tân Châu 3,0m, trên sông Hậu tại Châu Đốc 2,8m.

Khu vực Nam bộ đã vào mùa mưa, trong thời gian sắp tới mực nước lên cao, kết hợp nguy cơ sạt lở bờ bao gây ảnh hưởng đến chất lượng nước vùng nuôi thủy sản. Môi trường có khả năng biến động lớn, vật nuôi thủy sản dễ bị sốc tạo cơ hội cho các mầm bệnh phát triển và lan rộng. Vì vậy người nuôi cần:

Đối với vùng nuôi cá tra:

1. Thu hoạch thủy sản nuôi khi đạt kích cỡ thương phẩm.
2. Kiểm tra và tu bổ lai bờ ao cho chắc chắn, bờ ao nên cao hơn mực nước cao nhất

hàng năm 0,5m. Kiểm tra hệ thống xả tràn cho ao nuôi.

3. Rải vôi bột xung quanh bờ ao với liều lượng theo khuyến cáo của nhà sản xuất để ổn định pH cho ao nuôi có mưa lũ. Tiến hành cải thiện chất lượng nước bằng cách tạt các chế phẩm vi sinh theo liều lượng khuyến cáo, duy trì môi trường thích hợp cho cá sinh trưởng, phát triển ổn định và giảm rủi ro gây bệnh trên cá.

4. Người nuôi cần chú ý diệt khuẩn định kỳ trong ao nuôi để loại trừ mầm bệnh. Đặc biệt các ao nuôi sử dụng nguồn nước cấp thuộc các điểm quan trắc có tổng vi khuẩn aeromonas tổng số tăng cao hoặc có hiện diện của vi khuẩn cơ hội có khả năng gây bệnh trên cá như *Aeromonas hydrophilla*, *Edwardsiella ictaluri* cần diệt khuẩn kỹ trước khi cấp nước vào ao nuôi. Chủ động xử lý môi trường nước bằng vôi bột với lượng 2 - 3kg/100m³ nước ao hoặc một số hóa chất được phép sử dụng trong nuôi thủy sản như TCCA, BKC, Chlorine... theo đúng liều lượng hướng dẫn của nhà sản xuất để khử trùng nước ao nuôi, phòng bệnh cho thủy sản nuôi.

5. Các ao nuôi có hiện tượng ô nhiễm hữu cơ cần xử lý vi sinh/ chế phẩm sinh học để giảm thiểu các chất hữu cơ dư thừa trong ao nuôi, cải thiện chất lượng nước.

6. Hạn chế thả giống mới, vận chuyển, san thưa trong thời gian cao điểm nắng nóng.

7. Người nuôi nên thường xuyên kiểm tra các yếu tố thủy lý hóa nước ao và biểu hiện hoạt động của tôm nuôi, định kỳ bổ sung men tiêu hóa, vi lượng, khoáng chất, vitamin,..., đặc biệt là vitamin C vào khẩu phần ăn hằng ngày để tăng sức đề kháng.

Đối với vùng nuôi tôm nước lợ:

1. Lưu ý vào mùa mưa, độ mặn tất cả các vùng nuôi đều giảm thấp. Người nuôi cần phải xác định độ mặn trước khi thả giống để có biện pháp thuần hóa thích hợp. Khi tôm giống mới thả gặp mưa dễ bị “sốc” độ mặn, nhiệt độ... Vì vậy, nên thả tôm giống vào buổi sáng. Nếu sau khi thả giống gặp mưa, dùng vôi nông nghiệp (CaO) rải đều trên khắp bờ ao để khắc phục tình trạng pH giảm đột ngột ảnh hưởng tới sức khỏe của tôm nuôi.

2. Sau khi mưa cần kiểm tra độ pH, có thể dùng vôi CaCO₃ hòa vào nước, tạt đều vào ao nuôi để duy trì pH từ 7,5 - 8,5 với liều lượng 10 - 20 kg/1.000 m³.

3. Trong mùa mưa, tôm nuôi có thể bị mềm vỏ, khó lột xác, tôm không ăn được thức ăn. Để khắc phục tình trạng này dùng các loại khoáng tạt có bán trên thị trường để tạt xuống ao; kết hợp với dùng Dolomite với liều lượng 10 - 20 kg/1.000 m³. Bổ sung thêm các loại men tiêu hóa, vitamin.

4. Các ao nuôi có hiện tượng ô nhiễm hữu cơ cần xử lý vi sinh/ chế phẩm sinh học để giảm thiểu các chất hữu cơ dư thừa trong ao nuôi, cải thiện chất lượng nước. Đồng thời kiểm tra diệt khuẩn úc chế vi khuẩn trong ao nuôi, giảm rủi ro gây bệnh trên tôm, cá.

5. Thường xuyên kiểm tra pH và duy trì pH ở mức thích hợp 7,5 - 8,5 và dao động giữa sáng và chiều không quá 0,5 đơn vị.

6. Các ao nuôi có nguồn nước cấp thuộc các điểm quan trắc có mật độ *Vibrio* cao và các điểm quan trắc có xuất hiện *vibrio parahaemoliticus* cần lấy nước qua ao lắng, xử lý nước

thủy vực có hàm lượng TSS cao cần lấy nước qua ao lăng để giảm hàm lượng TSS trước khi cấp vào ao nuôi.

7. Người nuôi nên thường xuyên kiểm tra các yếu tố thủy lý hóa nước ao và biểu hiện hoạt động của tôm nuôi, định kỳ bổ sung men tiêu hóa, vi lượng, khoáng chất, vitamin,..., đặc biệt là vitamin C vào khẩu phần ăn hàng ngày để tăng sức đề kháng.

8. Thường xuyên kiểm tra ao nuôi sẽ kịp thời phát hiện diễn biến mầm bệnh, nhất là vào những ngày mưa to, nhiệt độ tăng cao. Đồng thời thường xuyên theo dõi các bản tin thời tiết, thông tin cảnh báo dịch bệnh trên truyền hình, đài truyền thanh để chủ động trong sản xuất.

9. Ngăn chặn tảo tan gây độc, cản trở hoạt động sống của tôm khi điều kiện thời tiết biến đổi thất thường. Quản lý tảo ổn định trong mùa mưa bão, tạt chế phẩm vi sinh ổn định các yếu tố môi trường, duy trì độ trong từ 30 – 40 cm. Trường hợp tảo phát triển quá dày đặc, có thể sử dụng một số sản phẩm được phép lưu hành trên thị trường để giảm mật độ tảo.

Đối với vùng nuôi nghêu:

1. San bằng mặt bãi, khai thông vùng nước ở các bãi nghêu nhằm tránh hiện tượng nước đọng cục bộ và giảm thiểu ảnh hưởng của sự chênh lệch nhiệt độ trong ngày làm nghêu yếu và chết.

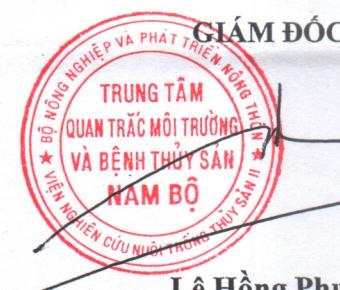
2. Thuỷa khi nghêu đạt kích cỡ thu hoạch để hạn chế thiệt hại do mưa bão, lũ lụt gây ra.

3. Tăng cường kiểm tra hoạt động của nghêu, theo dõi chặt chẽ biến động của thời tiết và chất lượng nước, kịp thời phát hiện những dấu hiệu bất thường. Khi phát hiện hiện tượng bất thường trên nghêu phải báo ngay cho cơ quan chức năng để có biện pháp ứng phó kịp thời.

4. Định kỳ kiểm tra, vệ sinh bãi nuôi, đảm bảo an toàn cho bãi nuôi khi xảy ra các hiện tượng thời tiết cực đoan như mưa to, giông lốc.

Nơi nhận

Cục Thủy sản
Sở NN&PTNT và CCTS Bến Tre
Sở NN&PTNT và CCTS Trà Vinh
Sở NN&PTNT và CCTS Bạc Liêu
Sở NN&PTNT và CCTS Cà Mau
Sở NN&PTNT và CCTS An Giang
Sở NN&PTNT và Chi cục Chăn Nuôi Thú y và thủy sản Đồng Tháp
Sở NN&PTNT và CCTS Cần Thơ
Sở NN&PTNT và CCTS Vĩnh Long



Lê Hồng Phước